

Số: 42/NQ-HĐND

Trà Vinh, ngày 13 tháng 7 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Về việc bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2017 cho các Sở, Ban ngành tỉnh và bổ sung có mục tiêu cho UBND các huyện, thị xã và thành phố

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê chuẩn dự toán ngân sách, phân bổ nhiệm vụ thu - chi ngân sách năm 2017;

Xét Tờ trình số 2212/TTr-UBND ngày 15/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2017 cho các sở, ban ngành tỉnh và bổ sung có mục tiêu cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2017 cho các sở, ban ngành tỉnh và bổ sung có mục tiêu cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố là: 98.971.268.467 đồng, trong đó:

1. Bổ sung dự toán chi phí hoạt động thu phí, lệ phí năm 2017: 5.657.598.000 đồng.
2. Bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2017: 73.663.416.093 đồng.
3. Bổ sung dự toán chi cho sở, ban ngành tỉnh và bổ sung có mục tiêu cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố để thu hồi các khoản đã tạm ứng theo ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh: 19.650.254.374 đồng.

(Đính kèm phụ lục)

Điều 2. Giao UBND tỉnh triển khai thực hiện đúng theo quy định; Ban Kinh tế - Ngân sách và đại biểu HĐND tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa IX - kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 13/7/2017. /.

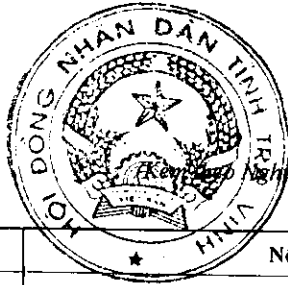
Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- TT.TU, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, KH và ĐT, KBNN,
Cục Thống kê;
- Văn phòng: HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.



CHỦ TỊCH

Trần Trí Dũng



THUYẾT MINH BỔ SUNG KINH PHÍ NĂM 2017

(Theo Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Phụ lục 01

DVT: đồng

STT	Tên đơn vị	Nội dung	Số tiền	Ghi chú	Nguồn bổ sung
	TỔNG CỘNG		98.971.268.467		
A	BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG THU PHÍ, LỆ PHÍ NĂM 2017		5.657.598.000		

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ: Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện phải nộp vào ngân sách nhà nước (Trường hợp cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí thì được khấu trừ, phần còn lại nộp ngân sách nhà nước). Đối với các khoản thu lệ phí phải thực hiện nộp toàn bộ tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều a, Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. Về nguồn chi phí trang trải cho hoạt động cung cấp dịch vụ thu phí, lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của cơ quan, đơn vị theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật. Do tại thời điểm tổng hợp dự toán chi ngân sách nhà nước (NSNN) vào đầu năm 2017 chưa có các Thông tư quy định đối với các khoản phí, lệ phí theo từng lĩnh vực; do đó, năm 2017 các đơn vị đã xây dựng dự toán thu - chi phí, lệ phí căn cứ theo hướng dẫn trước đây tại các Thông tư của Bộ, ngành Trung ương và địa phương.

Nhằm để đảm bảo thực hiện theo đúng quy định hiện hành về Luật phí, lệ phí; HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung dự toán đối với các khoản thu - chi phí, lệ phí của các Sở, ban ngành tỉnh; cụ thể như sau:

1	Sở Thông tin và Truyền thông		7.200.000		Nguồn thu phí, lệ phí nộp ngân sách tỉnh năm 2017
		- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu phí thẩm định nội dung tài liệu không kinh doanh để cấp giấy phép xuất bản	6.000.000		
		- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu Lệ phí cấp phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh	1.200.000		
2	Sở Tư pháp		69.600.000		
		- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu phí Cung cấp thông tin lý lịch tư pháp	60.000.000		
		- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu Phí khai thác, sử dụng thông tin trong CSDL hộ tịch	7.200.000		
		- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu Phí xác nhận có quốc tịch VN, gốc VN	2.400.000		
3	Sở Giao thông Vận tải		3.606.180.000		
		- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu phí Phí sát hạch lái xe mô tô, Phí sát hạch lái xe ô tô	598.890.000		
		- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu Phí thẩm tra thẩm định cấp giấy phép hoạt động biển thủy nội địa	2.700.000		
		- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu lệ phí cấp mới, cấp đổi giấy phép lái xe	3.000.000.000	Trong đó: bổ sung hoàn tạm ứng 3.000.000.000 đ (Tạm ứng theo Công văn số 1501/UBND-KT ngày 25/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh, về việc tạm ứng kinh phí để mua phôi, in ấn, văn phòng phẩm phục vụ công tác thu lệ phí)	

STT	Tên đơn vị	Nội dung	Số tiền	Ghi chú	Nguồn bổ sung
		- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu lệ phí Cấp lại hoặc đổi giấy đăng ký không kèm theo biển số xe (xe máy chuyên dùng)	1.350.000		
		- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu lệ phí Đăng ký, cấp biển phương tiện thủy nội địa	1.890.000		
		- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu lệ phí Cấp mới, cấp lại, chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng	1.350.000		
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển NT		1.624.800.000		
	- Chi cục Quản lý chất lượng NLTS		39.000.000		
		- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu phí Thẩm định xác nhận kiến thức ATTP	2.400.000		
		- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu phí Thẩm định cấp giấy chứng nhận ATTP CS SX, KD TP	6.000.000		
		- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu phí Thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện ATTP	30.600.000		
	- Chi cục Chăn nuôi và thú y	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu Phí kiểm soát giết mổ	1.500.000.000		
	- Chi cục Trồng trọt và BVTV		6.600.000		
		- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu phí thẩm định hồ sơ quảng cáo	5.400.000		
		- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu phí CN đủ điều kiện buôn bán thuốc BVTV	1.200.000		
	- Chi cục Thủy sản		79.200.000		
		- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu phí Giám sát kỹ thuật sửa chữa	13.200.000		
		- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu phí Giám sát kỹ thuật đóng mới	39.000.000		
		- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu phí Kiểm tra định kỳ	1.800.000		
		- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu phí Kiểm tra thường kỳ	2.400.000		
		- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu phí Thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản	22.800.000		
5	Sở Y tế (Văn phòng Sở Y tế)	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu phí Phí thẩm định điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế; Phí thẩm định hoạt động, tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề thuộc lĩnh vực y tế; Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận phòng xét nghiệm an toàn sinh học; Phí thẩm định cấp phép lưu hành, nhập khẩu, xác nhận, công bố trong lĩnh vực dược phẩm, mỹ phẩm	274.800.000		

Nguồn thu phí, lệ phí nộp
ngân sách tỉnh năm 2017

SIT	Tên đơn vị	Nội dung	Số tiền	Ghi chú	Nguồn bổ sung
6	Ban Quản lý Khu kinh tế	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu lệ phí Cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Trà Vinh	18.138.000		
7	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu Phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường	8.400.000		
8	Sở Khoa học và Công nghệ		25.680.000		
		- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu Lệ phí thẩm định cấp phép xử lý, lưu giữ chất thải phóng xạ	300.000		
		- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu Phí thẩm định điều kiện hoạt động KH&CN	3.480.000		
		- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu Phí cấp phép hoạt động an toàn bức xạ	21.900.000		
9	Sở Công thương		22.800.000		
		- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu Phí thẩm định cửa hàng kinh doanh xăng dầu	3.600.000		
		- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu Phí thẩm định cửa hàng LPG	4.800.000		
		- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu phí xác nhận kiến thức ATVSTP	12.000.000		
		- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở kinh doanh	1.200.000		
		- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATVSTP đối với cơ sở sản xuất	1.200.000		
B	BỔ SUNG KINH PHÍ		73.663.416.093		
I	Sở, ban ngành tỉnh		9.687.658.093		
1	Hoạt động thường xuyên và mua sắm sửa chữa		7.363.375.872		
1.1	Sở Khoa học và Công nghệ	Kinh phí triển khai thực hiện Đề án "Tăng cường công tác quản lý thuế trong lĩnh vực kinh doanh xăng, dầu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh"	27.126.000	Đề án 432/ĐA-CT ngày 10/02/2017 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 17/02/2017	
1.2	Sở Công thương		24.200.000		
	- Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển công nghiệp	Kinh phí đào tạo sau đại học	24.200.000	Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 10/02/2017 về việc viên chức đi học thạc sĩ	

Nguồn thu phí, lệ phí nộp ngân sách tỉnh năm 2017

STT	Tên đơn vị	Nội dung	Số tiền	Ghi chú	Nguồn bổ sung
1.3	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	Kinh phí đối ứng tiếp nhận sách của Mạng lưới Giáo dục Canada- Việt Nam tài trợ	249.262.872	Công văn số 1957/UBND-NV ngày 01/6/2017 của UBND tỉnh về việc tiếp nhận sách tài trợ của Mạng lưới giáo dục Canada-Việt Nam	Chi khác ngân sách tỉnh năm 2017
1.4	Liên minh Hợp tác xã	Kinh phí tham dự hội chợ nông sản Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã và doanh nghiệp 2017	111.475.000	- Công văn số 1054/UBND-KT ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh, về việc tham gia Hội chợ Nông sản Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã và doanh nghiệp năm 2017 tại Hà Nội	
1.5	Số Tư pháp		198.000.000		
		- Xây dựng, phát chuyên trang, chuyên mục về trợ giúp pháp lý bằng tiếng Việt, tiếng dân tộc trên Đài Truyền thanh xã;	132.000.000	Quyết định số 32/2016/QĐ-TTg ngày 08/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2709/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh TV, ban hành kế hoạch triển khai thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã nghèo, áp đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016-2020 và hỗ trợ vụ việc tham gia tố tụng có tính chất phức tạp hoặc điển hình trên địa bàn tỉnh TV	
		- Tổ chức các đợt truyền thông về trợ giúp pháp lý ở cơ sở	66.000.000		
1.6	Phòng Tài chính đảng	Kinh phí hỗ trợ cho Ban Liên lạc Cơ yếu Khu Tây Nam bộ để thực hiện việc sưu tầm tư liệu, biên tập kỷ yếu của ngành Cơ yếu Khu Tây Nam bộ	20.000.000	- Thông báo số 775-TB/VPTU ngày 04/5/2017 của Văn phòng Tỉnh ủy, thông báo ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy thống nhất hỗ trợ cho Ban Liên lạc Cơ yếu Khu Tây Nam bộ - Công văn số 1674/UBND-KT ngày 09/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, về việc thực hiện ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy	
1.7	Hội Văn học Nghệ thuật		227.842.000		
		- Kinh phí tham dự Liên hoan âm nhạc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long năm 2017 tại Hậu Giang	36.800.000	Thông báo số 664-TB/VPTU ngày 28/02/2017 của Văn phòng Tỉnh ủy, thống nhất bổ sung kinh phí hỗ trợ Hội VHNT tỉnh tham gia Liên hoan âm nhạc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long năm 2017 tại Hậu Giang	Chi khác ngân sách tỉnh năm 2017

STT	Tên đơn vị	Nội dung	Số tiền	Ghi chú	Nguồn bổ sung
		- Kinh phí tham gia Cuộc thi tác phẩm múa chuyên nghiệp các Dân tộc thiểu số lần thứ 2 của Hội Văn học Nghệ thuật tại tỉnh Bình Thuận	168.657.000	- Công văn số 235-CV/TU ngày 10/02/2017 của Tỉnh ủy Trà Vinh, về việc tham gia Cuộc thi tác phẩm múa chuyên nghiệp các Dân tộc thiểu số lần thứ 2 - Công văn số 1207/UBND-KT ngày 03/4/2017 của UBND tỉnh TV, về việc kinh phí tham gia cuộc thi Tác phẩm múa chuyên nghiệp các dân tộc thiểu số VN	
		- Kinh phí để thanh toán tiền khen thưởng cho 01 tập thể được tặng Cờ thi đua và 03 cá nhân được tặng bằng khen	22.385.000	- Quyết định số 174/QĐ-ĐCT ngày 07/02/2017 của Ủy ban Toàn quốc Liên hiệp các Hội VHNT VN, về việc tặng cờ thi đua - Quyết định số 175/QĐ-ĐCT ngày 07/02/2017 của Ủy ban Toàn quốc Liên hiệp các Hội VHNT VN, về việc tặng bằng khen	
1.8	Sở Thông tin và Truyền thông		190.330.000		
		- Kinh phí để tổ chức tập huấn kiến thức quốc phòng an ninh cho đội ngũ cán bộ quản lý, phóng viên, tuyên truyền viên, biên tập viên, biên tập viên các báo, đài trên địa bàn tỉnh	7.300.000	- Kế hoạch số 04/KH-HĐGDQPAN ngày 24/01/2017 của Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh tỉnh, về công tác giáo dục quốc phòng và an ninh năm 2017	
		- Kinh phí triển khai Đề án tổ chức tuyên truyền và kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN năm 2017 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	163.030.000	- Công văn số 20/UBND-NV ngày 10/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh, về việc triển khai Đề án tổ chức tuyên truyền và kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN	
		- Kinh phí cho 01 công chức đi học thạc sĩ	20.000.000	Quyết định số 857/QĐ-UBND ngày 24/5/2017 của UBND tỉnh, về việc công chức đi học thạc sĩ	
1.9	Hội Chữ thập đỏ	Kinh phí tổ chức Đại hội đại biểu Hội Chữ thập đỏ tỉnh Trà Vinh nhiệm kỳ 2016-2021	166.605.000	Công văn số 996/UBND-KT ngày 21/3/2017 của UBND tỉnh, về việc kinh phí tổ chức Đại hội đại biểu Hội Chữ thập đỏ tỉnh TV nhiệm kỳ 2016-2021	
1.10	Sở Xây dựng		382.000.000		
		- Kinh phí thuê đơn vị tư vấn lập chi số giá xây dựng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	150.000.000	Công văn số 4247/UBND-CNXD ngày 05/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh, về việc thuê đơn vị tư vấn lập chi số giá xây dựng trên địa bàn tỉnh	

STT	Tên đơn vị	Nội dung	Số tiền	Ghi chú	Nguồn bổ sung
		- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ xét cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho các cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh TV (mua sắm trang thiết bị)	232.000.000	Quyết định số 1390/QĐ-BXD ngày 29/12/2016 của Bộ Xây dựng về việc ban hành mẫu và hướng dẫn Quy chế hoạt động của Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng, Quy chế sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng và điều kiện cơ sở vật chất phục vụ sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	Chi khác ngân sách tỉnh năm 2017
1.11	Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh	Chi tiền nước uống cho cử tri dự họp buổi tiếp xúc cử tri của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trước và sau 02 kỳ họp thường lệ HĐND tỉnh khóa IX, đối với 106 xã, phường, thị trấn (bình quân 01 xã, phường, thị trấn tiếp xúc cử tri 04 cuộc/năm)	1.272.000.000	Theo Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh, về việc quy định một số chế độ, chính sách và điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh TV	
1.12	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội		664.675.000		
		- Kinh phí dự Lễ Tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ đồng bào yêu nước hy sinh tại nhà tù Côn Đảo lần thứ 6 năm 2017	120.300.000	Công văn số 1615/UBND-KGVX ngày 05/5/2017 của UBND tỉnh, về việc tham mưu, đề xuất việc tham dự Lễ tưởng niệm đồng đội theo ý kiến của Thường trực tỉnh ủy tại Thông báo số 765-TB/VPTU ngày 03/5/2017 của Văn phòng Tỉnh ủy	
		- Kinh phí đưa đối tượng Người có công đi tham quan Thủ đô Hà Nội năm 2017	544.375.000	Tờ trình số 805/TTr-SLĐTBXH ngày 24/5/2017 của Sở LĐTBXH về việc xin bổ sung kinh phí đưa đối tượng Người có công đi tham quan Thủ đô Hà Nội năm 2017	
1.13	Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh	Kinh phí để tổ chức tập huấn kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm	155.662.000	Kế hoạch phối hợp số 25/KHPH/UBND-BTTUBMTTQ ngày 01/11/2016 giữa Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh, về việc vận động và giám sát bảo đảm an toàn thực phẩm giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh TV	
1.14	Hội Đông y- Châm cứu	Kinh phí hoạt động 6 tháng cuối năm 2017 cho Hội Đông y- Châm cứu	50.000.000	Quyết định số 709/QĐ-UBND ngày 04/5/2017 của UBND tỉnh về việc cho phép hợp nhất Hội Đông y và Hội Châm Cứu tỉnh Trà Vinh thành Hội Đông y - Châm Cứu	Chi khác ngân sách tỉnh năm 2017
1.15	Sở Giao thông Vận tải		3.535.248.000		
	- Thanh tra Sở Giao thông Vận tải	Kinh phí chi trả chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với chức danh Đội trưởng, Phó đội trưởng Đội nghiệp vụ thanh tra ngành Giao thông vận tải (từ tháng 4/2017) và phụ cấp trách nhiệm nghề nghiệp thanh tra (từ tháng 3/2017)	35.248.000	- Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của UBND tỉnh, về việc bổ nhiệm ngạch thanh tra viên đối với công chức (Thông tư số 01/2017/TT-BNV ngày 24/01/2017 của Bộ Nội vụ, hướng dẫn chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với chức danh Đội trưởng, Phó đội trưởng Đội nghiệp vụ thanh tra ngành Giao thông vận tải)	

STT	Tên đơn vị	Nội dung	Số tiền	Ghi chú	Nguồn bổ sung
	- Đoàn Quản lý Giao thông thủy bộ	- Kinh phí bổ sung danh mục công trình sửa chữa cầu, đường năm 2017	3.500.000.000	Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 22/02/2017 của UBND tỉnh, về việc phê duyệt bổ sung danh mục công trình sửa chữa cầu, đường năm 2017	Nguồn 50% kết dư ngân sách năm 2015
1.16	Văn phòng UBND tỉnh	Kinh phí lót thảm 02 phòng khánh tiết và sơn bê mặt tiền sảnh hội trường 800 chỗ của trung tâm Hội nghị Trà Vinh	88.950.000	Công số 1214/UBND-KT ngày 03/4/2017 của UBND tỉnh	Nguồn Ngân hàng Bưu điện Liên Việt tài trợ
2	Kinh phí tổ chức lễ kỷ niệm 25 năm tái lập tỉnh		2.008.012.731	Theo Báo cáo số 16/BC-HC ngày 05/5/2017 của Tiểu ban Hậu cần	
2.1	Phòng Tài chính đảng	Kinh phí vận động Quý An sinh XH, quà tặng, in tờ bướm, thư ngỏ, thư mời tham dự lễ, mua đặc sản, báo lao động, báo đại đoàn kết, đóng bục gỗ sân đại hội trường, vải trải bàn, màn trang trí	184.279.000		
2.2	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Khánh tiết: Chi cho lực lượng phục vụ (tiền ăn, nước uống), tiền ăn, tiền phòng nghỉ của đại biểu, tiền nhiên liệu, chi phí đài truyền hình VTV đưa tin Lễ kỷ niệm, chi phí in báo Đầu tư, chi phí khác	1.252.394.000		
2.3	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	- Kinh phí thực hiện vận động Quý An sinh xã hội	11.601.731		
2.4	Sở Nội vụ	- Ban Thi đua - Khen thưởng	223.357.000		
2.5	Công an tỉnh		107.081.000		
		- Phối hợp trong công tác bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo đảm an toàn giao thông	99.581.000		
		• Lực lượng Công an	75.437.000		
		• Lực lượng Quân sự	4.775.000		
		• Lực lượng Biên phòng	440.000		
		• Phục vụ công tác chỉ đạo, kiểm tra của các đồng chí trong Ban chỉ huy thống nhất theo Kế hoạch số 53/KH-CAT-QS-BP ngày 20/9/2016 của Công an, Bộ Chỉ huy Quân sự và Bộ đội biên phòng	1.760.000		
		• Tiểu đoàn cảnh sát cơ động số 2 và Phòng 2-A91 (Bộ Công an)	17.169.000		
		- Kinh phí in băng VIP và đại biểu dán trên xe của Đoàn khách Trung ương và các Đoàn khách khác	7.500.000		
2.6	Đài Phát thanh và Truyền hình	Kinh phí ký hợp đồng thực hiện truyền hình trực tiếp Lễ kỷ niệm 25 năm tái lập tỉnh trên 03 sóng truyền hình: VTV9, VTV5 và THPTV	229.300.000	Công văn số 1470/UBND-KT ngày 21/4/2017 của UBND tỉnh, về việc ký hợp đồng truyền hình trực tiếp chương trình Lễ kỷ niệm 25 năm tái lập tỉnh Trà Vinh	Nguồn Ngân hàng Bưu điện Liên Việt tài trợ 1.911.050.000 đồng; Nguồn chi khác ngân sách tỉnh 96.962.731 đồng
3	Kinh phí khắc phục khó khăn khu vực công đập Chà Và, phòng trừ bộ cánh cứng hại dừa		316.269.490		
3.1	Hội Cựu chiến binh	Kinh phí khắc phục khó khăn khu vực công đập Chà Và huyện Cầu Ngang (xóa nợ cho 69 hộ nghèo, cận nghèo, đã chết, bỏ xứ đi, hộ gia đình chính sách và hộ quá khó khăn không có khả năng trả nợ)	68.100.000		

STT	Tên đơn vị	Nội dung	Số tiền	Ghi chú	Nguồn bổ sung
3.2	Tinh đoàn	Kinh phí khắc phục khó khăn khu vực công đập Chà Và huyện Cầu Ngang (xóa nợ cho 27 hộ nghèo, cận nghèo, đã chết, bỏ xứ đi, bệnh tâm thần không có khả năng trả nợ)	40.680.000	Công văn số 1383/UBT-NN ngày 22/7/2003 của UBND tỉnh	Chi khác ngân sách tỉnh năm 2017
3.3	Sở Nông nghiệp và Phát triển NT (Chi cục Trồng trọt và BVTV)	Xóa nợ trong dân kinh phí phòng trừ bọ cánh cứng hại dừa (xóa nợ cho 1.173 hộ nghèo, khó khăn không có khả năng trả, đi xa, chết; xuất thuốc hướng dẫn tập huấn cho nông dân; giảm giá thuốc)	207.489.490		
II	Các huyện, thị xã, thành phố		63.975.758.000		
1	Huyện Càng Long	Bổ sung mắt cân đối (hạt thu năm 2016)	3.376.000.000		Nguồn 50% kết dư ngân sách năm 2015
2	Huyện Cầu Ngang	Hỗ trợ tổ hợp tác sản xuất trên biển	295.040.000		Nguồn hỗ trợ khác bố trí dự toán năm 2017
3	Huyện Tiểu Cần	Kinh phí chi trả hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất khu vực Đường tránh Quốc lộ 60 huyện Tiểu Cần	279.789.000		Nguồn thu tiền sử dụng đất Khu vực đường tránh Quốc lộ 60 huyện Tiểu Cần đã nộp ngân sách tỉnh
4	Các huyện, thị xã, thành phố	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đất ở cho hộ nghèo dân tộc thiểu số theo Quyết định 29/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ	36.069.000.000	Công văn số 2064/UBND-KGVX ngày 08/6/2017 của UBND tỉnh	Nguồn kinh phí thực hiện Quyết định 74/2008/QĐ-ITg còn thừa 32.790 triệu đồng, Nguồn Quỹ An sinh xã hội thu hồi theo kiến nghị của kiểm toán 3.279 triệu đồng được chuyển nguồn sang 2017 theo Công văn số 1027/UBND-KT ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh
5		Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách và đảm bảo điều kiện hoạt động của đại biểu HĐND các cấp theo Nghị quyết 17/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh (tạm cấp 70%)	21.437.929.000		Dự phòng ngân sách năm 2016 đã chuyển nguồn sang 2017 theo Công văn số 1027/UBND-KT ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh
6		Kinh phí phục vụ bầu cử Trưởng ban, Phó Trưởng ban nhân dân ấp, khóm kết hợp bầu thành viên Ban Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn nhiệm kỳ 2017-2019	18.000.000		Nguồn chi khác ngân sách tỉnh năm 2017
7	Thành phố Trà Vinh	Thanh toán khối lượng hoạt động công ích trong năm 2015 cho Công ty TNHH Một thành viên Công trình đô thị	2.500.000.000	Công văn số 1190/UBND-KTTH ngày 18/4/2016 của UBND tỉnh	Nguồn Trung ương hỗ trợ một số chế độ chính sách khác năm 2014 đã chuyển nguồn sang năm 2016 theo Công văn số 788/UBND-KTTH ngày 18/3/2016 của UBND tỉnh
C	BỔ SUNG ĐỂ THU HỒI TẠM ỨNG		19.650.254.374		
I	SỞ NGÀNH TỈNH		10.031.539.940		
1	Sở Nội vụ	Kinh phí phục vụ bầu cử Trưởng ban, Phó Trưởng ban nhân dân ấp, khóm kết hợp bầu thành viên Ban Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn nhiệm kỳ 2017-2019	800.711.000	Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của UBND tỉnh, về việc tạm ứng kinh phí cho Sở, ngành tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố; Công văn số 113/HĐND-VP ngày 27/4/2017 của Thường trực HĐND tỉnh	Nguồn chi khác ngân sách tỉnh năm 2017
2	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh		45.000.000		
3	Phòng Tài chính đảng (Báo Trà Vinh)		10.000.000		
4	Đài Phát thanh và Truyền hình TV		20.000.000		
5	Công an tỉnh		30.000.000		

STT	Tên đơn vị	Nội dung	Số tiền	Ghi chú	Nguồn bổ sung
6	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh		30.000.000		
7	Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh		20.000.000		
8	Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh	Kinh phí thực hiện láng nhựa khuôn viên trụ sở làm việc của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (trong đó có khuôn viên trụ sở làm việc của Sở Nội vụ)	700.000.000	Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 04/5/2017 của UBND tỉnh, về việc tạm ứng kinh phí cho Văn phòng HĐND tỉnh; Công văn 102/HĐND-VP ngày 14/4/2017	Nguồn hỗ trợ khác bố trí dự toán năm 2017
9	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Kinh phí chi cho lãnh đạo tỉnh tiếp và làm việc với Đoàn tỉnh Battambang, Vương quốc Campuchia đến thăm và việc tại tỉnh Trà Vinh và hỗ trợ một phần kinh phí xây dựng nhà cho những	868.110.000	Quyết định số 600/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 của UBND tỉnh, về việc tạm ứng kinh phí năm 2017 cho VP UBND tỉnh và Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Công văn số 101/HĐND-VP ngày 14/4/2017 của Thường trực HĐND tỉnh	Nguồn an ninh vùng trọng điểm bố trí dự toán năm 2017
10	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	đối tượng thương binh Campuchia cực nghèo, không có khả năng xây được nhà	200.000.000		
11	Công an tỉnh		663.928.000		Dự phòng ngân sách năm 2016 đã chuyển nguồn sang 2017 theo Công văn số 1027/UBND-KT ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh (đã tạm ứng nguồn an ninh vùng trọng điểm năm 2017, nhưng do nguồn kinh phí này không đủ để đảm bảo nên chuyển sang nguồn dự phòng NS năm 2016 để hoàn trả)
12	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	Kinh phí diễn tập khu vực phòng thủ huyện Cầu Kè, huyện Càng Long	462.456.000	Công văn số 1961/UBND-KT ngày 01/6/2017 của UBND tỉnh; Công văn số 148/HĐND-VP ngày 26/5/2017 của Thường trực HĐND tỉnh	
13	Công an tỉnh	Kinh phí mua xe ô tô chuyên dùng phục vụ công tác đảm bảo trật tự ATGT	5.100.000.000	Công văn số 1740/UBND-KT ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh; Công văn số 120/HĐND-VP ngày 05/5/2017 của Thường trực HĐND tỉnh	Nguồn thu phạt ATGT năm 2016 đã chuyển nguồn sang năm 2017 theo Công văn số 1027/UBND-KT ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh; 4.006.000.000 đồng; nguồn chi khác ngân sách năm 2017: 1.094.000.000 đồng
14		Kinh phí thực hiện công tác phòng ngừa, đấu tranh đối tượng kinh doanh, tham gia trò chơi điện tử "Game bắn cá" vi phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	188.472.000	Công văn số 2149/UBND-KT ngày 14/6/2017 của UBND tỉnh; Công văn số 166/HĐND-VP ngày 12/6/2017 của Thường trực HĐND tỉnh	Chi khác ngân sách tỉnh năm 2017 (Nguồn thu xử phạt vi phạm hành chính năm 2017 chưa phân bổ)
15	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Kinh phí được trích từ khoản tiền thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào NSNN	115.862.940	Công văn số 1822/UBND-KT ngày 22/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh, về việc tạm ứng dự toán cho Sở VH-TT-DL; Công văn 134/HĐND-VP ngày 12/5/2017 của Thường trực HĐND tỉnh	Nguồn thanh tra Sở VH-TT&DL tỉnh nộp ngân sách tỉnh chưa được trích để lại năm 2016 đã chuyển nguồn sang năm 2017 theo Công văn số 1027/UBND-KT ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh
16	Sở Nông nghiệp và Phát triển NT	Kinh phí mua sắm tài sản phục vụ công tác cho Ban Quản lý rừng phòng hộ đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	361.000.000	Công văn số 1883/UBND-KT ngày 25/5/2017 của UBND tỉnh về việc tạm ứng dự toán cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Công văn 132/HĐND-VP ngày 12/5/2017 của Thường trực HĐND tỉnh	Nguồn mua sắm tài sản bố trí dự toán năm 2017

Handwritten signature or mark

STT	Tên đơn vị	Nội dung	Số tiền	Ghi chú	Nguồn bổ sung
17	Sở Xây dựng	Kinh phí điều chỉnh quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030	416.000.000	- Công văn số 1692/UBND-CNXD ngày 10/5/2017 của UBND tỉnh, về việc điều chỉnh quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 - Công văn số 2013/UBND-KT ngày 05/6/2017 của UBND tỉnh, về việc tạm ứng kinh phí cho Sở Xây dựng; Công văn 156/HĐND-VP ngày 02/6/2017 của Thường trực HĐND tỉnh	Nguồn kinh phí hỗ trợ công tác quy hoạch của ngân sách tỉnh được bố trí dự toán đầu năm 2017
II	CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ		4.918.714.434		
2	Huyện Châu Thành	Kinh phí lập đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng cụm Công nghiệp Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, tỷ lệ 1/500	880.714.434	Công văn số 2014/UBND-KT ngày 05/6/2017 của UBND tỉnh; Công văn số 157/HĐND-VP ngày 02/6/2017 của Thường trực HĐND tỉnh	Nguồn kinh phí hỗ trợ công tác quy hoạch của ngân sách tỉnh được bố trí dự toán đầu năm 2017
3	Các huyện, thị xã, thành phố	Kinh phí phục vụ bầu cử Trưởng ban, Phó Trưởng ban nhân dân ấp, khóm kết hợp bầu thành viên Ban Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn nhiệm kỳ 2017-2019	4.038.000.000	Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của UBND tỉnh, về việc tạm ứng kinh phí cho Sở, ngành tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố; Công văn số 113/HĐND-VP ngày 27/4/2017 của Thường trực HĐND tỉnh	Nguồn chi khác ngân sách tỉnh năm 2017
III	VỐN ĐẦU TƯ		4.700.000.000		
		Tuyến đô thị mới phía đông đường Mậu Thân, thành phố Trà Vinh (dự án lập lại)	4.700.000.000	Quyết định số 2654/QĐUBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh; Công văn số 388/HĐND-VP ngày 12/12/2016 của Thường trực HĐND tỉnh	Nguồn đầu giá quyền sử dụng đất của dự án Tuyến đô thị phía đông đường Mậu Thân đã nộp ngân sách tỉnh



Phụ lục 03

PHỤ LỤC MINH BỔ SUNG KINH PHÍ CHO CÁC SỞ, BAN NGÀNH TỈNH NĂM 2017

(Theo Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

ĐVT: đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Bổ sung dự toán kinh phí chi hoạt động thu phí, lệ phí 2017	Hoạt động thường xuyên và mua sắm sửa chữa	Kinh phí tổ chức lễ kỷ niệm 25 năm tái lập tỉnh	Kinh phí khắc phục khó khăn khu vực công đập Chà Và, phòng trừ bọ cánh cứng hại dừa	Bổ sung để thu hồi tạm ứng
A	TỔNG CỘNG	25.260.933.093	5.657.598.000	7.363.375.872	2.008.012.731	316.269.490	9.915.677.000
1	Sở Thông tin và Truyền thông	197.530.000	7.200.000	190.330.000			
2	Sở Tư pháp	267.600.000	69.600.000	198.000.000			
3	Sở Giao thông Vận tải	7.141.428.000	3.606.180.000	3.535.248.000			
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển NT	2.193.289.490	1.624.800.000			207.489.490	361.000.000
5	Sở Y tế	274.800.000	274.800.000				
6	Ban Quản lý Khu kinh tế	18.138.000	18.138.000				
7	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	8.400.000	8.400.000				
8	Sở Khoa học và Công nghệ	52.806.000	25.680.000	27.126.000			
9	Sở Công thương	47.000.000	22.800.000	24.200.000			
10	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	249.262.872		249.262.872			
11	Hội Văn học Nghệ thuật	227.842.000		227.842.000			
12	Liên minh Hợp tác xã	111.475.000		111.475.000			
13	Hội Chữ thập đỏ	166.605.000		166.605.000			
14	Sở Xây dựng	798.000.000		382.000.000			416.000.000
15	Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh	1.972.000.000		1.272.000.000			700.000.000
16	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	664.675.000		664.675.000			
17	Phòng Tài chính đảng	214.279.000		20.000.000	184.279.000		10.000.000
18	Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh	212.263.731		155.662.000	11.601.731		45.000.000
19	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	2.209.454.000		88.950.000	1.252.394.000		868.110.000
20	Sở Nội vụ	1.024.068.000			223.357.000		800.711.000
21	Công an tỉnh	6.089.481.000			107.081.000		5.982.400.000
22	Đài Phát thanh và Truyền hình	249.300.000			229.300.000		20.000.000

STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Bổ sung dự toán kinh phí chi hoạt động thu phí, lệ phí 2017	Hoạt động thường xuyên và mua sắm sửa chữa	Kinh phí tổ chức lễ kỷ niệm 25 năm tái lập tỉnh	Kinh phí khắc phục khó khăn khu vực công đập Chà Và, phòng trừ bộ cánh cánh bãi dề	Bổ sung để thu hồi tạm ứng
23	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	692.456.000					692.456.000
24	Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	20.000.000					20.000.000
25	Hội Cựu chiến binh	68.100.000				68.100.000	
26	Tinh đoàn	40.680.000				40.680.000	
23	Hội Đông y- Châm Cứu	50.000.000		50.000.000			

**TỔNG HỢP NGUỒN KINH PHÍ**

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

	NỘI DUNG	SỐ TIỀN (đồng)
	TỔNG CỘNG	98.971.268.467
1	Nguồn thu phí, lệ phí nộp ngân sách tỉnh năm 2017	5.657.598.000
2	Chi khác ngân sách tỉnh năm 2017	10.481.841.093
3	Nguồn hỗ trợ khác bố trí dự toán năm 2017	995.040.000
4	Nguồn an ninh vùng trọng điểm bố trí dự toán năm 2017	1.068.110.000
5	Nguồn mua sắm tài sản bố trí dự toán năm 2017	361.000.000
6	Nguồn kinh phí hỗ trợ công tác quy hoạch của ngân sách tỉnh được bố trí dự toán đầu năm 2017	1.296.714.434
7	Nguồn Ngân hàng Bưu điện Liên Việt tài trợ	2.000.000.000
8	Nguồn kinh phí thực hiện Quyết định 74/2008/QĐ-TTg còn thừa 32.790 triệu đồng được huyện nguồn sang 2017 theo Công văn số 1027/UBND-KT ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh	32.790.000.000
9	Nguồn Quỹ An sinh xã hội thu hồi theo kiến nghị của kiểm toán 3.279 triệu đồng được huyện nguồn sang 2017 theo Công văn số 1027/UBND-KT ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh	3.279.000.000
10	Dự phòng ngân sách năm 2016 đã chuyển nguồn sang 2017 theo Công văn số 1027/UBND-KT ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh	22.564.313.000
11	Nguồn thu phạt ATGT năm 2016 đã chuyển nguồn sang năm 2017 theo Công văn số 1027/UBND-KT ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh	4.006.000.000
12	Nguồn thanh tra Sở VH TT & DL tỉnh nộp ngân sách tỉnh chưa được trích để lại năm 2016 đã chuyển nguồn sang năm 2017 theo Công văn số 1027/UBND-KT ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh	115.862.940
13	Nguồn thu tiền sử dụng đất Khu vực đường tránh Quốc lộ 60 huyện Tiểu Cần đã nộp ngân sách tỉnh	279.789.000
14	Nguồn đấu giá quyền sử dụng đất của dự án Tuyến đô thị phía đông đường Mậu Thân đã nộp ngân sách tỉnh	4.700.000.000
15	Nguồn Trung ương hỗ trợ một số chế độ chính sách khác năm 2014 đã chuyển nguồn sang năm 2016 theo Công văn số 788/UBND-KTTH ngày 18/3/2016 của UBND tỉnh	2.500.000.000
16	Nguồn 50% kết dự ngân sách năm 2015	6.876.000.000